

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS - PT

Ngày: 27/4/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự (hụi)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Hoàng Lâm

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24, 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLPT - DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự (hụi)”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2019/DS - ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐPT - DS ngày 20/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực A, phường B, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Huỳnh Thị Hồng A, sinh năm 1983 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

3.3. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

3.4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

3.5. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày: Bị đơn Nguyễn Thị K có tham gia hội do bà làm chủ, tổng cộng 06 dây cụ thể như sau:

- Dây hội ngày 20/7/2016 (âm lịch) hội 5.000.000 đồng/tháng, dây hội gồm có 22 phần, bà K tham gia 01 phần. Bà K đã hót hội vào lần thứ 08 và đóng lại được 10 lần hội chết. Còn nợ lại 04 lần hội chết với số tiền là 20.000.000 đồng.

- Dây hội ngày 25/10/2016 (âm lịch), hội 3.000.000 đồng/tháng, hội có 25 phần, bà K tham gia 03 phần. Phần thứ nhất: Bà K đóng hội sống được 07 lần đến lần thứ 08 thì hót, đóng hội chết được 05 lần, còn nợ lại 12 lần với số tiền 36.000.000 đồng. Phần thứ hai: Bà K đóng hội sống được 11 lần, đến lần thứ 12 thì hót, đóng hội chết được 01 lần, còn nợ lại 12 lần hội chết, với số tiền 36.000.000 đồng. Phần thứ ba: Bà K đóng được 13 lần, số tiền bà K đóng được 28.120.000 đồng, bà đồng ý cho bà K hưởng theo thỏa thuận chơi hội là 39.000.000 đồng

Như vậy khấu trừ 02 phần hội chết và 01 phần hội sống thì bà K còn nợ lại của dây hội này là 33.000.000 đồng (72.000.000 đồng – 39.000.000 đồng = 33.000.000 đồng).

- Dây hụi ngày 10/02/2017 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi có 26 phần, bà K tham gia 02 phần. Phần thứ nhất: bà K đóng 05 lần hụi sống đến lần thứ 06 thì hốt 01 phần, bà K đóng được 05 lần hụi chết, còn nợ lại 15 lần số tiền 75.000.000 đồng. Đối với phần thứ hai bà K đóng được 11 lần hụi sống, số tiền 34.780.000 đồng, nhưng bà đồng ý cho bà K hưởng theo thỏa thuận chơi hụi là 55.000.000 đồng. Sau khi cân trừ hụi sống và hụi chết thì bà K còn nợ lại 20.000.000 đồng ($75.000.000 \text{ đồng} - 55.000.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng}$).

- Dây hụi ngày 15/5/2017 (âm lịch) hụi 3.000.000 đồng/tháng, có 26 phần, bà K tham gia 02 phần. Phần thứ nhất bà K đóng được 05 lần hụi sống, hốt lần thứ 6 và đã đóng hụi chết được 02 lần. Còn nợ lại 18 lần hụi chết với số tiền 54.000.000 đồng; Phần thứ hai bà K đóng được 08 lần hụi sống, số tiền 17.120.000 đồng, nhưng bà đồng ý cho bà K hưởng theo thỏa thuận chơi hụi số tiền là 24.000.000 đồng.

Khấu trừ hụi sống và hụi chết của dây này bà K còn nợ lại 30.000.000 đồng ($54.000.000 \text{ đồng} - 24.000.000 \text{ đồng} = 30.000.000 \text{ đồng}$).

- Dây hụi ngày 25/8/2017 (âm lịch) hụi 1.000.000 đồng/tuần, có 46 phần, bà K tham gia 02 phần. Phần thứ nhất Bà K đóng hụi sống được 08 lần, hốt lần thứ 09 và phần thứ 02 hốt lần thứ 10, sau khi hốt bà K đóng hụi chết phần thứ nhất được 07 lần, phần thứ 02 được 06 lần. Còn nợ lại 30 lần hụi chết x 02 phần x 1.000.000 đồng = 60.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 29/8/2017 (âm lịch) hụi 3.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 26 phần, bà K tham gia 01 phần. Bà K đóng được 04 lần hụi sống thì ngưng, số tiền đóng là 8.470.000 đồng, bà đồng ý cho bà K hưởng theo thỏa thuận chơi hụi với số tiền 12.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi chết bà K còn nợ là 281.000.000 đồng, các phần hụi sống của bà K đã đóng là 130.000.000 đồng. Như vậy số tiền hụi bà K còn nợ lại là 151.000.000 đồng, tuy nhiên bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà K có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền 141.000.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị K trình bày: Bà thừa nhận bà có tham gia hụi do bà Nguyễn Thị R làm chủ, tuy nhiên bà chỉ tham gia có 05 dây hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi ngày 25/10/2016 (âm lịch), hụi 3.000.000 đồng/tháng, hụi có 25 phần, bà tham gia 03 phần. Phần thứ nhất: Bà hốt lần thứ 09, đóng hụi chết được 10 lần, còn nợ lại 06 lần hụi chết với số tiền 18.000.000 đồng, trong 06 lần hụi chết thì bà còn 02 phần hụi sống nên bà còn nợ lại bà R 12.000.000 đồng. Phần thứ hai và phần thứ ba bà đóng được 18 lần hụi sống với số tiền 54.000.000 đồng x 02 phần = 108.000.000 đồng. Như vậy trừ qua số tiền hụi chết phải đóng cho bà R, thì bà R còn nợ lại bà 96.000.000 đồng (108.000.000 đồng – 12.000.000 đồng = 96.000.000 đồng).

- Dây hụi ngày 10/02/2017 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi có 26 phần, bà tham gia 02 phần. Phần thứ nhất hốt lần thứ 7, đóng được 08 lần hụi chết, còn nợ lại 11 lần hụi chết với số tiền 55.000.000 đồng, trừ 01 lần hụi sống của bà thì số tiền còn lại 50.000.000 đồng. Phần thứ hai: đóng hụi sống được 14 lần với số tiền 70.000.000 đồng, phần hụi này bà chưa hốt. Như vậy dây hụi này bà R còn nợ lại bà 20.000.000 đồng (70.000.000 đồng – 50.000.000 đồng = 20.000.000 đồng).

- Hụi ngày 15/5/2017 (âm lịch) hụi 3.000.000 đồng/tháng, có 26 phần, bà tham gia 02 phần. Bà đã đóng được 12 lần hụi sống của 02 phần hụi, số tiền cụ thể đóng bà không nhớ rõ, nhưng theo thỏa thuận chơi hụi thì bà được hưởng 72.000.000 đồng (12 lần x 3.000.000 đồng x 02 phần).

- Dây hụi ngày 25/8/2017 (âm lịch) hụi 1.000.000 đồng/tuần, hụi gồm 46 phần, bà tham gia 02 phần. Phần thứ nhất hốt lần thứ 10, đóng được 09 lần hụi chết, còn nợ lại 27 lần hụi chết với số tiền 27.000.000 đồng, trừ 01 lần hụi sống của bà, như vậy bà còn nợ bà R số tiền 26.000.000 đồng. Phần thứ hai: Đã đóng hụi sống được 18 lần, số tiền cụ thể đóng không nhớ rõ, nhưng theo thỏa thuận chơi hụi thì bà được hưởng 18 lần là 18.000.000 đồng. Như vậy dây hụi này bà còn nợ lại bà R 8.000.000 đồng (26.000.000 đồng – 18.000.000 đồng = 8.000.000 đồng).

- Dây hụi ngày 29/8/2017 (âm lịch) hụi 3.000.000 đồng/tháng, dây hụi này bà không nhớ bao nhiêu phần, nhưng đã đóng được 08 lần hụi sống, số tiền hụi sống và từng lần đóng cụ thể bà không nhớ, nhưng theo thỏa thuận chơi hụi thì bà được hưởng là 24.000.000 đồng (08 lần x 3.000.000 đồng/lần = 24.000.000 đồng).

Tổng số tiền hụi sống còn lại là 292.000.000 đồng, trừ số tiền hụi chết bà còn nợ bà R là 88.000.000 đồng. Như vậy bà R còn nợ bà 204.000.000 đồng.

Nay bà R yêu cầu bà trả số tiền 141.000.000 đồng bà không đồng ý, bà yêu cầu bà R trả lại cho bà số tiền 204.000.000 đồng.

Tại văn bản ngày 01/7/2019 và tại phiên tòa người làm chứng Đoàn Thị T trình bày: Bà có tham gia 02 dây hội do bà R làm chủ, gồm hội ngày 25/10/2016 và ngày 15/5/2017, hai dây hội trên bà tham gia cùng với bà K, dây hội ngày 25/10/2016 bà K tham gia 03 phần, đã hót 02 phần. Dây hội ngày 15/5/2017 bà K tham gia 02 phần, đã hót 01 phần.

Tại văn bản ngày 01/7/2019 người làm chứng Huỳnh Thị Hồng A trình bày: Bà có tham gia dây hội 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 25/10/2016 do bà R làm chủ, bà tham gia cùng với bà K, dây hội này bà K tham gia 03 phần, bà K hót phần thứ 01 vào lần thứ 08, phần thứ 02 đã hót. Còn sống 01 phần.

Tại văn bản ngày 14/4/2019 và tại phiên tòa người làm chứng Đặng Thị Y trình bày: Bà có tham gia 05 dây hội cùng với bà K do bà Nguyễn Thị R làm chủ cụ thể: Hội ngày 20/7/2016 hội 5.000.000 đồng/tháng bà K đã hót ngày 20/02/2017 kêu với giá 1.550.000 đồng; Hội ngày 10/02/2017 5.000.000 đồng/tháng bà K kêu với giá 1.720.000 đồng hót vào ngày 15/9/2017; Hội ngày 15/5/2017 3.000.000 đồng/tháng bà K kêu giá 1.100.000 đồng hót vào ngày 15/9/2017; Hội tuần ngày 25/8/2017 hội 1.000.000 đồng bà K hót phần 1 vào ngày 22/10/2017 kêu với giá 380.000 đồng; phần hai hót vào ngày 29/10/2017 kêu với giá 360.000 đồng.

Tại văn bản ngày 08/5/2019 và tại phiên tòa người làm chứng Nguyễn Thị E trình bày: Bà E có tham gia 02 dây hội cùng với bà K do bà R làm chủ, hội 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/02/2017 bà K tham gia 02 phần, đã hót 01 phần, còn lại 01 phần chưa hót. Hội 1.000.000 đồng/tuần mở ngày 25/8/2017 bà K tham gia 02 phần đã hót 02 phần.

Tại văn bản ngày 08/5/2019 và tại phiên tòa người làm chứng Nguyễn Thị M trình bày: Bà có tham gia 03 dây hội cùng với bà K do bà R làm chủ, hội 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/02/2017 bà K tham gia 02 phần, đã hót 01 phần, còn lại 01 phần chưa hót. Hội 3.000.000 đồng/tháng, bà K tham gia 02 phần, đã hót 01 phần còn lại 01 phần. Hội 1.000.000 đồng/tuần mở ngày 25/8/2017 bà K tham gia 02 phần đã hót 02 phần.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2019/DS – ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị R số tiền hui còn nợ là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị R có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 bị đơn bà Nguyễn Thị K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Thị R phải trả cho bà số tiền 204.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị K có đơn kháng cáo hợp lệ, còn trong thời hạn luật định và đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn không ai cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị K

Bà Nguyễn Thị K kháng cáo yêu cầu nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trả cho bà số tiền nợ hội 204.000.000 đồng.

Giữa bà Nguyễn Thị R và bà Nguyễn Thị K có thiết lập mối quan hệ hội. Theo đó bà Nguyễn Thị R làm chủ hội, bà Nguyễn Thị K là thành viên tham gia chơi hội. Các bên xác lập mối quan hệ “chơi hội” chỉ trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và tin tưởng nhau. Theo đó bà Nguyễn Thị R làm chủ hội lập sổ hội giao cho các hội viên tham gia đây hội. Chủ hội tự theo dõi việc các hội viên lĩnh (hót) hội, góp (đóng) hội; mức lãi trong kỳ mở hội (số tiền kêu hội). Khi bà K hót hội bà R không làm biên nhận giao tiền hội và khi bà K đóng hội cũng không yêu cầu bà R làm biên nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà R cho rằng bà K tham gia chơi 06 đây hội, nhưng bà K không thống nhất, bà cho rằng bà chỉ tham gia 05 đây hội. Cụ thể như sau:

[3.1] Đây hội 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 20/7/2016 (âm lịch), có 22 phần.

Bà Nguyễn Thị R cho rằng bà Nguyễn Thị K tham gia 01 phần và đã hót vào lần thứ 8 và đóng được 10 lần hội chết, còn nợ 04 lần hội chết, với số tiền 20.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị K không thừa nhận có tham gia đây hội này. Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã M (bút lục số 57), bà K đã thừa nhận có tham gia đây hội ngày 20/7/2016 nêu trên và đã hót hội nhưng không nhớ rõ là số lần phải đóng hội chết cho bà R là bao nhiêu. Lời thừa nhận của bà phù hợp với lời khai của người làm chứng Đặng Thị Y cùng tham gia đây hội với bà K, đã xác nhận bà K có tham gia đây hội này và đã hót hội vào ngày 20/02/2017 (âm lịch), mức lãi 1.550.000 đồng. Bà K phản đối yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R, nhưng không có tài liệu chứng cứ, chứng minh. Như vậy, việc bà R đưa ra chứng cứ là sổ hội thể hiện bà K đã hót hội phù hợp với lời làm chứng của người làm chứng bà Đặng Thị Y, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Đối với đây hội này bà K còn nợ 04 lần hội chết chưa đóng với số tiền 20.000.000 đồng (1).

[3.2] Đây hội 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 25/10/2016 (âm lịch), có 25 phần.

Bà Nguyễn Thị R cho rằng bà Nguyễn Thị K tham gia 03 phần. Phần thứ nhất đã đóng hụi được 07 lần đến lần thứ 08 hốt, bà K đóng hụi chết được 05 lần, còn nợ lại 12 lần với số tiền 36.000.000 đồng; Phần thứ hai, bà K đóng được 11 lần đến lần thứ 12 hốt hụi, đóng hụi chết được 01 lần, còn nợ 12 lần hụi chết, với số tiền 36.000.000 đồng; Phần thứ ba, bà K đóng được 13 lần, với số tiền 28.120.000 đồng, bà R đồng ý cho bà K hưởng theo thỏa thuận chơi hụi là 39.000.000 đồng. Như vậy, nợ hụi đối với hai phần bà K đã hốt là 72.000.000 đồng trừ 39.000.000 đồng hụi sống, bà K còn nợ lại dây hụi này 33.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị K thừa nhận có tham gia 03 phần của dây hụi trên, nhưng bà không đồng ý với trình bày của bà R. Bà cho rằng phần hụi thứ nhất bà hốt lần thứ 9, đóng hụi chết được 10 lần còn nợ lại 06 lần hụi chết, với số tiền 18.000.000 đồng, trừ hai phần hụi sống của bà còn lại, thì bà nợ lại bà R 12.000.000 đồng; Đối với phần hụi thứ hai và thứ ba, bà đã đóng được 18 lần hụi sống, bà chưa hốt hụi, với số tiền 108.000.000 đồng. Như vậy, bà R còn nợ lại bà số tiền 96.000.000 đồng ($108.000.000 \text{ đồng} - 12.000.000 \text{ đồng} = 96.000.000 \text{ đồng}$). Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay và tại hồ sơ bà K không có tài liệu chứng cứ, chứng minh.

Đối với phần trình bày của bà R trong dây hụi này có sổ theo dõi hụi, mặc dù không có chữ ký xác nhận của bà K, nhưng có sự làm chứng của các thành viên khác trong dây hụi như bà Huỳnh Thị Hồng A (tên tham gia dây hụi B), bà Đoàn Thị T (tên tham gia dây hụi Đ), xác nhận bà K đã hốt 02 phần, còn lại 01 phần. Tuy nhiên, việc bà K còn nợ hụi bà R bao nhiêu những người làm chứng không biết. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà R có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh. Bà R không chứng minh được bà K đã đóng hụi đối với phần hụi còn “sống” là bao nhiêu. Tuy nhiên, theo sổ hụi thể hiện bà K đã hốt hai phần một phần hốt ở lần thứ 9 vào ngày 25/4/2017 âm lịch, một phần hốt ở lần thứ 13 vào ngày 25/8/2017 (âm lịch). Đình hụi ở lần thứ 13, theo đó phần hụi còn sống của bà K căn cứ vào lần thứ 13 đình hụi để xác định số lần đóng hụi sống của bà K.

Như vậy, trong quan hệ giao dịch hụi giữa bà R và bà K không có lập biên bản giao nhận hụi. Bà K phản đối yêu cầu khởi kiện của bà R nhưng bà không có chứng cứ, chứng minh. Do vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng

dân sự, bà K phải đưa ra chứng cứ cho việc phản đối của mình là có cơ sở. Do vậy, bà có trách nhiệm trả nợ hụi theo yêu cầu của bà R như sau: (12 lần hụi chết x 3.000.000 đồng x 02 lần) – 02 lần hụi sống = 69.000.000 đồng – 39.000.000 đồng = 30.000.000 đồng. (2)

[3.3] Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/02/2017 (âm lịch), có 26 phần.

Bà Nguyễn Thị R cho rằng bà Nguyễn Thị K tham gia 02 phần. Bà K đóng đến lần thứ 5 thì hốt 01 phần, đóng hụi chết được 05 lần, nợ 15 lần với số tiền 75.000.000 đồng; Phần hụi thứ 2, bà K đóng hụi sống được 11 lần với 34.780.000 đồng, bà R đồng ý cho bà K hưởng theo thỏa thuận chơi hụi là 55.000.000 đồng. Như vậy, cần trừ hụi chết và hụi sống 75.000.000 đồng – 55.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị K cho rằng phần hụi thứ nhất bà hốt hụi ở lần thứ 7, đóng hụi được 08 lần hụi chết, còn nợ lại 11 lần chết với số tiền 55.000.000 đồng, trừ 01 lần hụi sống. Phần hụi thứ hai bà K đóng được 14 lần hụi sống với số tiền 70.000.000 đồng. Sau khi trừ cần bà R còn nợ lại bà 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc trình bày của bà K không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh.

Đối với phần trình bày của bà Nguyễn Thị R có sổ theo dõi hụi và những người làm chứng Đặng Thị Y (tên tham gia dây hụi T1) xác nhận sự thật bà K đã hốt hụi 01 phần và một phần còn sống. Nhưng tất cả những người làm chứng này không xác định được số tiền bà K còn nợ lại bà R là bao nhiêu.

Theo sổ hụi thể hiện phù hợp với lời trình bày của bà R và người làm chứng Đặng Thị Y, bà K hốt ở lần thứ 6. Dây hụi này đình ở lần thứ 15, việc bà K trình bày bà đã đóng hụi sống đến lần 14 là không phù hợp với số lần đóng hụi chết. Đối với phần hụi chết bà K cho rằng đã đóng hụi chết được 08 lần + 05 hụi sống = 13 lần là có cơ sở, đúng với sổ theo dõi hụi của bà R. Trên cơ sở đó có thể khẳng định bà K đóng hụi sống là 13 lần. Bà R cho rằng bà K đóng hụi sống được 11 lần nhưng không có chứng cứ nào chứng minh ngoài sổ hụi. Do đó, đối với dây hụi này bà K không còn nợ hụi của bà R như sau:

Phần hụi chết còn nợ 13 lần x 5.000.000 đồng = 65.000.000 đồng

Phần hụi sống đóng được 13 lần x 5.000.000 đồng = 65.000.000 đồng

[3.4] Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng mở vào ngày 15/5/2017 (âm lịch), có 26 phần.

Bà Nguyễn Thị R cho rằng bà Nguyễn Thị K tham gia 02 phần. Phần thứ nhất bà K đóng được 05 lần hụi sống, hốt lần thứ 06, đóng hụi chết được 02 lần, còn nợ lại 18 lần hụi chết chưa đóng, với số tiền 54.000.000 đồng. Phần hụi thứ hai bà K đóng hụi sống được 08 lần, với số tiền 17.120.000 đồng. Bà R đồng ý cho bà K được hưởng theo thỏa thuận là 24.000.000 đồng. Như vậy, bà K còn nợ lại bà số tiền 30.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị K không thừa nhận bà đã hốt hụi, đối với dây hụi này bà tham gia 02 phần và đã đóng hụi sống được 12 lần $\times 02 \times 3.000.000 = 72.000.000$ đồng. Ngoài lời trình bày bà K không có tài liệu chứng cứ để chứng minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, bà K phải chịu trách nhiệm đối với việc không chứng minh được.

Tuy nhiên, bà R có sổ theo dõi hụi và sự xác nhận của người làm chứng cùng tham gia dây hụi chung với bà K, bà Đặng Thị Y. Theo đó, bà K hốt hụi ở lần thứ 06, nghĩa là bà K đóng hụi sống được 05 lần. Bà R cho rằng bà K đóng được 02 lần hụi chết thì ngưng không đóng hụi nữa. Lời trình bày của bà R về việc đóng hụi chết và số lần đóng hụi của phần hụi sống của bà K không có cơ sở. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào thời gian đình hụi (ngày 15/4/2018 âm lịch) lần thứ 13 để xác định số lần đóng hụi chết và hụi sống của bà K như sau:

Hụi chết, đóng được 05 lần hụi sống + 07 lần hụi chết = 12 lần, nợ lại 14 lần $\times 3.000.000$ đồng = 42.000.000 đồng;

Hụi sống đóng được 12 lần $\times 3.000.000$ đồng = 36.000.000 đồng.

Như vậy, đối với dây hụi này bà K còn nợ lại bà R: 42.000.000 đồng - 36.000.000 đồng = 6.000.000 đồng. (3)

[3.5] Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 29/8/2017 (âm lịch), có 26 phần.

Bà Nguyễn Thị R cho rằng bà Nguyễn Thị K tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 04 lần với số tiền 8.470.000 đồng. Bà R đồng ý cho bà K hưởng theo thỏa thuận chơi hụi 12.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị K không đồng ý với trình bày của bà R. Bà K cho rằng bà đã đóng hội sống đến lần thứ 08, với số tiền theo thỏa thuận chơi hội là 24.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy phần trình bày của các bên đương sự có sự mâu thuẫn, nhưng qua xem xét sổ theo dõi hội thể hiện bà K chưa hốt hội. Đình hội ở lần thứ 8 (ngày 29/3/2018 âm lịch). Tại biên bản lấy khai ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, người làm chứng bà Đặng Thị Y xác nhận bà K có tham gia dây hội này, nhưng bà không nhớ bà K tham gia bao nhiêu phần, số tiền bà K đóng hội bao nhiêu bà không biết. Như vậy, lời trình bày của bà K là có cơ sở, xác định bà K đã đóng 08 lần hội sống, bà R tự nguyện cho bà K được hưởng theo thỏa thuận chơi hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận cho bà K được hưởng 24.000.000 đồng.

[3.6] Dây hội 1.000.000 đồng/tuần, mở ngày 25/8/2017 (âm lịch), có 46 phần.

Bà Nguyễn Thị R cho rằng bà Nguyễn Thị K tham gia 02 phần; Phần thứ nhất bà K đóng hội sống được 08 lần, đến lần thứ 09 hốt, đóng hội chết được 07 lần, còn nợ lại 30 lần; Phần thứ hai, bà K đóng hội sống đến lần thứ 09, hốt lần thứ mười, đóng hội chết được 06 lần còn nợ lại 30 lần hội chết. Tổng số nợ bà K còn nợ bà R đối với dây hội này là 60.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị K không đồng ý với trình bày của bà R. Bà K cho rằng phần thứ nhất bà đã đóng được 09 lần, hốt lần thứ 10, nợ 27.000.000 đồng trừ một lần hội sống bà còn nợ lại bà R 26.000.000 đồng. Phần thứ hai, bà đóng được 18 lần hội sống, bà được hưởng theo thỏa thuận chơi hội là 18.000.000 đồng. Đối với dây hội tuần bà chỉ nợ lại bà R là 8.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, lời trình bày nêu trên của bà Nguyễn Thị K không có tài liệu chứng cứ kèm theo để chứng minh. Đối với phần trình bày của bà Nguyễn Thị R có sổ theo dõi hội, xác định bà K hốt hội đối với phần thứ nhất ở lần thứ 09 (ngày 22/10/2017 âm lịch), phần hội thứ hai hốt lần thứ 10 (22/11/2017 âm lịch). Đồng thời, tại biên bản làm việc với những người làm chứng của Tòa án nhân dân thị xã M, bà Nguyễn Thị E (tên tham gia hội mợ 4), bà Nguyễn Thị M đều xác nhận bà Nguyễn Thị K đã hốt hết hai phần hội, nhưng không biết số tiền cụ thể

bà K còn nợ là bao nhiêu. Vì giao dịch chơi hụi các bên chỉ trên cơ sở sổ theo dõi hụi, không có biên bản giao nhận tiền hụi nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bà R là chủ hụi bà đã chứng minh bằng sổ theo dõi hụi và phù hợp với lời xác nhận của những người làm chứng nên có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, bà K phản đối yêu cầu khởi kiện của bà R đối với dây hụi này nhưng không chứng minh được nên bà phải chịu trách nhiệm trả nợ hụi theo yêu cầu của bà R đối với dây hụi tuân như sau: $30 \text{ lần} \times 02 \text{ phần} \times 1.000.000 \text{ đồng} = 60.000.000 \text{ đồng}$. (4)

[4] Việc bà Nguyễn Thị R tự nguyện trả hụi đối với phần hụi của bà Nguyễn Thị K còn sống theo thỏa thuận chơi hụi là có phần lợi cho bà K. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, tổng số nợ tiền hụi bà K có trách nhiệm phải trả cho bà R như sau: $(1) + (2) + (3) + (4) = 20.000.000 \text{ đồng} + 30.000.000 \text{ đồng} + 6.000.000 \text{ đồng} + 60.000.000 \text{ đồng} = 116.000.000 \text{ đồng} - 24.000.000 \text{ đồng} = 92.000.000 \text{ đồng}$.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị K. Sửa một phần án sơ thẩm đối với số tiền nợ hụi bà K có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị R.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn Nguyễn Thị K phải chịu án phí sơ thẩm. Không ai phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, 157, 164, 180 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 471, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số: 144/2006/NĐ - CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về hụi họ, biếu, phưởng;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị K.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2019/DS - ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị R số tiền hui còn nợ hui 92.000.000 đồng (chín mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị R có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị K phải chịu 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị R phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận là 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Bà R được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.762.000 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng), theo biên lai thu số 0019304 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M. Bà R tiếp tục nộp thêm số tiền 688.000 đồng (sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng).

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền tạm ứng án phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Kiều đã nộp theo biên lai thu số 0000624 ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27/4/2020).

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phụng